TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2025/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 9 năm 2025
V/v: *"Ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Ông Vi Nhật Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng

Ông Hồ Quang Thành.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Xuân Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa: Ông Lê Ngọc Hà - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 115/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2025 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 51/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2025; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thanh U - sinh năm 1994;
Trú tại: Thôn Đ, xã Đ (xã V, huyện V cũ), tỉnh Khánh Hòa. *(Vắng mặt, có đề đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt)*.

- *Bị đơn:* Ông Lê Thành V - sinh năm 1992;
Trú tại: Thôn Đ, xã Đ (xã V, huyện V cũ), tỉnh Khánh Hòa. *(Vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2025 (nộp Tòa án cùng ngày), biên bản lấy lời khai; đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 14/8/2025, nguyên đơn bà Lê Thị Thanh U trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Thành V tự nguyện yêu thương, về sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện

V (nay là xã Đ), tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 01/4/2019.

Thời gian đầu chung sống giữa vợ chồng có hạnh phúc nhưng càng về sau thì giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân là do cả hai bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Bà đã cố gắng nhiều lần hàn gắn mâu thuẫn nhưng không thành công nên mâu thuẫn giữa cả hai ngày càng trầm trọng. Từ khoảng tháng 4/2025 đến nay, bà đã dọn nhà sống riêng, không còn tiếp xúc hay quan tâm gì đến ông Vũ N, dần dần tình cảm bà dành cho ông Vũ phai N1, hiện tại đã không còn tình cảm, không muốn chung sống nữa, không thể hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông V.

Về con chung: Vợ chồng bà có 01 (một) con chung là Lê Vũ Hoàng L - sinh ngày 15 tháng 10 năm 2020; hiện con chung đang ở cùng bà, cuộc sống đã ổn định nên khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo con chung cho đến khi con chung đủ 18 (mười tám) tuổi; không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Đối với ông Lê Thành V trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông V theo quy định của pháp luật, cụ thể như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; các giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cùng Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để ông V thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự cũng như tham gia phiên tòa nhưng ông V đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể lấy lời khai của ông V cũng như không tiến hành hòa giải được.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa phát biểu:*

1. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị Thanh U khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Thành V. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp giữa bà U với ông V là *"Tranh chấp về ly hôn"*; Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa là Tòa án nơi mà ông V đang cư trú theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Bà Lê Thị Thanh U và ông Lê Thành V tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện V (nay là xã Đ), tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 01/4/2019. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa bà U và ông V được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nguyên đơn bà Lê Thị Thanh U vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Lê Thành V. Về nguyên nhân gây ra mâu thuẫn giữa bà U và ông V, theo bà U xác định: Do cả hai bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, dần dần tình cảm giữa hai vợ chồng trở nên phai nhạt. Đã nhiều lần bà cố gắng hàn gắn mâu thuẫn để duy trì cuộc sống hôn nhân nhưng không thành, tình cảm giữa vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, khả năng hàn gắn không còn nữa. Hiện vợ chồng bà đã sống ly thân, hai bên đã không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Thành V cũng đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết việc ly hôn giữa ông và bà Lê Thị Thanh U nhưng ông V đều không có mặt để làm việc. Điều đó chứng tỏ ông V đã không còn quan tâm gì đến cuộc hôn nhân giữa ông và bà U nữa.

[2.3] Tại Biên bản xác minh ngày 02/7/2025, Công an xã Đ cung cấp: Hiện tại, ông Lê Thành V và bà Lê Thị Thanh U không còn chung sống.

[2.4] Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Lê Thị Thanh U và ông Lê Thành V đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Thanh U đối với ông Lê Thành V.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

[3.1] Bà Lê Thị Thanh U xác định vợ chồng ông bà có 01 (một) con chung là Lê Vũ Hoàng L - sinh ngày 15 tháng 10 năm 2020. Hiện con chung đang ở cùng bà, được bà chăm sóc, nuôi dưỡng nên sau khi ly hôn, bà yêu cầu tiếp tục được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 (mười tám) tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử, Tòa án đã gửi cho ông Lê Thành V các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong đó đã thể hiện yêu cầu nuôi con chung của bà U nhưng ông V không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu này của bà U nên Hội đồng xét xử căn cứ theo yêu cầu của nguyên đơn trình bày để xem xét. Mặt khác, theo lời bà U trình bày cũng như biên bản xác minh ngày 02/7/2025 do Công an xã Đ cung cấp thì hiện con chung đang sinh sống cùng với bà U, cuộc sống đã đi vào ổn định; bà U cũng có công việc ổn định nên đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Do đó, để tạo điều kiện phát triển mọi mặt cho con chung, đảm bảo cuộc sống ổn định; xét thấy, cần tiếp tục giao con chung Lê Vũ Hoàng L cho bà Lê Thị Thanh U được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 (mười tám) tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.2] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Bà U không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà U xác định giữa bà và ông V không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà U xác định vợ chồng không có nợ chung.

[6] Về án phí: Bà Lê Thị Thanh U phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Thanh U;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thanh U được ly hôn với bị đơn ông Lê Thành V.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Giao con chung là Lê Vũ Hoàng L - sinh ngày 15 tháng 10 năm 2020 cho bà Lê Thị Thanh U được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 (mười tám) tuổi;

Bà U không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết bà U, ông V có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà U xác định không có.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Thanh U phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003066 ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 - Khánh Hòa); bà U đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn (vắng mặt) được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND khu vực 4 - Khánh Hòa ;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
(Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Ủy ban nhân dân xã Đại Lãnh, tỉnh Khánh Hòa (Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 01/4/2019);
- Các đương sự;
- Lưu vụ án;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Vi Nhật Hoàng